



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT
KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 13 - 35 |
| 8. Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu | 36 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa theo Quyết định số 1720/QĐ – UBND ngày 17 tháng 02 năm 2012 và Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2014 điều chỉnh Quyết định số 1720/QĐ – UBND ngày 17 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4200235327 thay đổi lần 2 ngày 01 tháng 12 năm 2015 về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2010) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : (058) 3881 161
- Fax : (058) 3881 675

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản biển; Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Nhập khẩu nông sản nguyên liệu cho chế biến;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất;
- Bán buôn thủy sản; Nhập khẩu nguyên liệu thủy, hải sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|------------------------|----------------------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Thắng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Lương Ích | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Lê Xuân Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Đào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Bà Trần Thị Tình | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|--------------------|----------------|------------------------------------|
| Ông Lê Quang Khôi | Trưởng Ban | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Bà Từ Thị Tân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Bà Phạm Thị Thương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |

Ban điều hành, quản lý

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u> |
|---------------------------|-------------------|--|
| Ông Nguyễn Trọng Thắng | Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Lương Ích | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Phương Thủy | Phụ trách Kế toán | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2017 |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Trọng Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 28 tháng 3 năm 2017



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 072/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Nha Trang**



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2013-008-1

Nha Trang, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 46.507.845.815 | 63.132.311.957 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.634.827.116 | 23.555.614.417 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.634.827.116 | 19.873.278.417 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 3.682.336.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 3.064.700.938 | 6.759.129.341 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 2.337.092.124 | 6.387.141.465 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 444.058.400 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4a | 68.500.000 | 5.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 215.050.414 | 366.987.876 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 40.942.845.573 | 32.080.408.520 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 40.942.845.573 | 32.080.408.520 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 865.472.188 | 737.159.679 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 127.348.545 | 102.112.328 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 723.856.425 | 617.298.270 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.11 | 14.267.218 | 17.749.081 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 13.480.828.131 | 12.046.780.329 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 70.000.000 | 200.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.4b | 70.000.000 | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | 200.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 10.374.793.105 | 11.400.694.488 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 10.374.793.105 | 11.400.694.488 |
| - Nguyên giá | 222 | | 34.536.153.754 | 32.424.091.285 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (24.161.360.649) | (21.023.396.797) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.547.806.525 | 180.000.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 2.547.806.525 | 180.000.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 488.228.501 | 266.085.841 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 488.228.501 | 266.085.841 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 59.988.673.946 | 75.179.092.286 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 43.596.292.410 | 60.419.092.286 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 43.596.292.410 | 60.419.092.286 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 863.625.169 | 1.405.879.742 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 394.051.008 | 678.596.935 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.12 | 1.451.970.040 | 4.559.873.708 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 60.885.903 | 233.964.575 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 444.961.979 | 20.616.878.541 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 40.377.796.997 | 29.974.221.471 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 3.001.314 | 2.949.677.314 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 16.392.381.536 | 14.760.000.000 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 16.392.381.536 | 14.760.000.000 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.17 | 14.760.000.000 | 14.760.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 14.760.000.000 | 14.760.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.17 | (580.640.000) | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.17 | 2.213.021.536 | - |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 2.213.021.536 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 59.988.673.946 | 75.179.092.286 |

Nguyễn Thị Phương Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy
Phụ trách kế toán



Nha Trang, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Trọng Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 167.911.042.947 | 140.292.874.238 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | - | 1.702.645.740 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 167.911.042.947 | 138.590.228.498 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 147.436.651.245 | 117.123.853.207 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 20.474.391.702 | 21.466.375.291 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 1.459.167.302 | 590.801.464 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 2.850.618.366 | 2.802.154.858 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 1.937.982.628 | 1.141.160.518 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 9.397.002.483 | 8.185.523.314 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 6.132.728.255 | 6.608.704.086 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 3.553.209.900 | 4.460.794.497 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 36.955.968 | 23.585.645 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 625.456.435 | 119.154.023 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (588.500.467) | (95.568.378) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 2.964.709.433 | 4.365.226.119 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.11 | 751.687.897 | 1.000.097.535 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>2.213.021.536</u> | <u>3.365.128.584</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>1.521</u> | <u></u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | <u>1.521</u> | <u></u> |



Nha Trang, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Phương Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy
Phụ trách kế toán

Nguyễn Trọng Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-----------|------|---------|-------------------------|-----------|------------------------|
| | | | | | | |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | | 2.964.709.433 | | 4.365.226.119 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.8 | | 3.137.963.852 | | 2.348.723.091 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | | - | | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | | 609.575.808 | | 81.001.299 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | | (944.135.620) | | (202.969.372) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | | 1.937.982.628 | | 1.141.160.518 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | | - | | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | | 7.706.096.101 | | 7.733.141.655 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | | 3.854.852.111 | | 3.011.187.795 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | | (8.862.437.053) | | (9.276.820.186) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | | (24.001.866.545) | | 2.149.387.976 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | | (247.378.877) | | 187.102.723 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | | - | | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | | (1.968.848.914) | | (1.126.450.700) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.11 | | (998.654.468) | | (634.630.126) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | | - | | 20.806.641.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.16 | | (2.946.676.000) | | (3.643.115.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | | (27.464.913.645) | | 19.206.445.137 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | | (4.479.868.994) | | (2.365.153.573) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | | - | | 9.090.909 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | | (227.000.000) | | (1.200.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | | 93.500.000 | | 1.313.547.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | | - | | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | - | | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | | 944.135.620 | | 174.091.796 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | | (3.669.233.374) | | (2.068.423.868) |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số | Năm nay | | Năm trước | |
|--|--------------|------------|-------------------------|-----------|-------------------------|
| | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | | 3.932.832 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | V.17 | (580.640.000) | | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.15 | 151.264.795.376 | | 149.128.274.475 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (141.470.795.658) | | (159.009.310.828) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | | (442.482.091) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 9.213.359.718 | | (10.319.585.612) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (21.920.787.301) | | 6.818.435.657 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 23.555.614.417 | | 16.737.178.760 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | | 1.634.827.116 | | 23.555.614.417 |

Nguyễn Thị Phương Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy
Phụ trách kế toán



Nha Trang, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Trọng Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản, xuất khẩu hàng hải sản, sản xuất nước đá, nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, dịch vụ sửa chữa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do năm tài chính năm trước từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 là giai đoạn của Công ty TNHH Một thành viên Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa (thuộc sở hữu Nhà nước) và năm tài chính năm nay từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 351 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 396 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính này từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên của Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Năm nay</u> |
|---------------------------------|----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 |
| Tài sản cố định khác | 04 |

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.163.121.161 | 17.155.417 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 471.705.955 | 19.856.123.000 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 3.682.336.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | - | 3.682.336.000 |
| Cộng | <u>1.634.827.116</u> | <u>23.555.614.417</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>2.337.092.124</i> | <i>6.387.141.465</i> |
| Morgan Foods Inc | 811.280.685 | 1.395.097.285 |
| Global Seafoods - Australia | - | 4.923.411.680 |
| Tsuruhachi - Japan | 614.411.102 | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm Vạn Đức | 416.052.800 | - |
| Công ty TNHH Thực phẩm Mãi Tín | 447.573.813 | - |
| Các khách hàng khác | 47.773.724 | 68.632.500 |
| Cộng | <u>2.337.092.124</u> | <u>6.387.141.465</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|-------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>444.058.400</i> | <i>-</i> |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Tâm Hiền | 360.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 84.058.400 | - |
| Cộng | <u>444.058.400</u> | <u>-</u> |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------|-------------------------|
| <i>Cho các cá nhân khác vay</i> | <i>68.500.000</i> | <i>5.000.000</i> |
| Cho Ông Nguyễn Đình Chinh vay với lãi suất 0,9%/tháng | 17.000.000 | - |
| Cho Ông Nguyễn Văn Thành vay với lãi suất 0,9%/tháng | 18.500.000 | - |
| Cho Ông Hồ Văn Thi vay với lãi suất 0,9%/tháng | 9.000.000 | - |
| Cho các cá nhân khác vay | 24.000.000 | 5.000.000 |
| Cộng | <u>68.500.000</u> | <u>5.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4b. Phải thu về cho vay dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| <i>Cho các cá nhân khác vay</i> | <i>70.000.000</i> | - |
| Cho Bà Nguyễn Thị Xuân An vay với lãi suất 0,9%/tháng | 50.000.000 | - |
| Cho Ông Trần Văn Hùng vay với lãi suất 0,9%/tháng | 20.000.000 | - |
| Cộng | 70.000.000 | - |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>215.050.414</i> | - | <i>366.987.876</i> | - |
| Phải thu Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế | 143.722.752 | - | 270.314.644 | - |
| Tạm ứng của công nhân viên | 45.935.100 | - | 55.632.600 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 25.392.562 | - | 41.040.632 | - |
| Cộng | 215.050.414 | - | 366.987.876 | - |

6. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.600.664.979 | - | 3.353.106.805 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 807.809.642 | - | 740.071.832 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.434.984.453 | - | 1.724.134.124 | - |
| Thành phẩm | 33.830.805.595 | - | 23.608.836.737 | - |
| Hàng hóa | 268.580.904 | - | 2.654.259.022 | - |
| Cộng | 40.942.845.573 | - | 32.080.408.520 | - |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

8. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|--|-----------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 6.960.025.677 | 23.082.992.933 | 1.553.428.155 | 827.644.520 | 32.424.091.285 |
| Mua trong năm | - | 366.086.500 | - | - | 366.086.500 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.745.975.969 | - | - | - | 1.745.975.969 |
| Số cuối năm | 8.706.001.646 | 23.449.079.433 | 1.553.428.155 | 827.644.520 | 34.536.153.754 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | - | - |
| Chờ thanh lý | - | 191.960.042 | 378.882.701 | - | 570.842.743 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|-------------------------------|----------------------------|--|-----------------------------|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 3.634.058.414 | 15.552.969.245 | 1.243.880.232 | 592.488.906 | 21.023.396.797 |
| Khấu hao trong năm | 1.048.577.309 | 1.895.061.683 | 116.438.744 | 77.886.116 | 3.137.963.852 |
| Số cuối năm | 4.682.635.723 | 17.448.030.928 | 1.360.318.976 | 670.375.022 | 24.161.360.649 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 3.325.967.263 | 7.530.023.688 | 309.547.923 | 235.155.614 | 11.400.694.488 |
| Số cuối năm | 4.023.365.923 | 6.001.048.505 | 193.109.179 | 157.269.498 | 10.374.793.105 |
| Trong đó: | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 537.630.997 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh V.15).

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|--------------------|------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 180.000.000 | - | - | 180.000.000 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 4.113.782.494 | (1.745.975.969) | 2.367.806.525 |
| <i>Nhà văn phòng tại 50 Võ Thị Sáu</i> | - | 2.150.994.800 | - | 2.150.994.800 |
| <i>Dự án Khu công nghiệp Suối Dầu</i> | - | 216.811.725 | - | 216.811.725 |
| <i>Nhà nghỉ công nhân</i> | - | 509.409.132 | (509.409.132) | - |
| <i>Nhà để xe, đường nội bộ, mương nước</i> | - | 267.631.528 | (267.631.528) | - |
| <i>Nhà tiền chế tại 50 Võ Thị Sáu</i> | - | 360.143.951 | (360.143.951) | - |
| <i>Nhà ăn tại 50 Võ Thị Sáu</i> | - | 469.415.071 | (469.415.071) | - |
| <i>Nhà kho khuôn khay bao bì tại 50 Võ Thị Sáu</i> | - | 139.376.287 | (139.376.287) | - |
| Cộng | 180.000.000 | 4.113.782.494 | (1.745.975.969) | 2.547.806.525 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 863.625.169 | 1.405.879.742 |
| Công ty TNHH Hiệp Hưng | 87.305.900 | 314.216.036 |
| Lê Thanh Tú | - | 286.000.000 |
| Lê Văn Quyền | - | 214.500.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 776.319.269 | 591.163.706 |
| Cộng | 863.625.169 | 1.405.879.742 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|--------------------|-------------------|------------------------|------------------------|--------------------|-------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 637.017.029 | - | 751.687.897 | (998.654.468) | 390.050.458 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công | - | 17.749.081 | 64.816.009 | (61.289.146) | - | 14.222.218 |
| Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn | - | - | 14.510.350 | (10.729.000) | 3.781.350 | - |
| Thuế tài nguyên | 160.400 | - | 2.757.560 | (2.698.760) | 219.200 | - |
| Tiền thuê đất | - | - | 461.615.000 | (461.615.000) | - | - |
| Thuế môn bài | - | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | - |
| Các loại thuế khác | 41.419.506 | - | 3.672.591 | (45.137.097) | - | 45.000 |
| Cộng | 678.596.935 | 17.749.081 | 1.302.059.407 | (1.583.123.471) | 394.051.008 | 14.267.218 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----|
| Hàng xuất khẩu | 0% |
| Các mặt hàng thủy sản tiêu thụ trong nước | 5% |
| Các dịch vụ khác | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 và thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 01/12/2015 đến ngày 31/12/2015 (giai đoạn năm trước từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/11/2015 với thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.964.709.433 | 4.365.226.119 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 631.611.092 | 180.671.771 |
| Thu nhập tính thuế | 3.596.320.525 | 4.545.897.890 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 719.264.105 | 1.000.097.535 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông | 32.423.792 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 751.687.897 | 1.000.097.535 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp với mức 4.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u> | <u>Mức tiền thuê (VND/m²/năm)</u> |
|---|--|
| Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | |
| - Tiếp giáp với đường Võ Thị Sáu, diện tích: 5.421,4 m ² | 28.800 |
| - Phần bị che khuất, diện tích: 4.840,5 m ² | 20.160 |
| Số 10 Võ Thị Sáu, phường Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | |
| - Tiếp giáp với đường Võ Thị Sáu, diện tích: 286 m ² | 36.000 |
| - Phần bị che khuất, diện tích: 9.801,5 m ² | 20.160 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Là số dư tiền lương còn phải trả cho người lao động.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 60.885.903 | 233.964.575 |
| Phải trả phí tư vấn cổ phần hóa | - | 139.597.502 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 5.885.903 | 36.752.189 |
| Chi phí phải trả khác | 55.000.000 | 57.614.884 |
| Cộng | 60.885.903 | 233.964.575 |

14. Phải trả ngắn hạn khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-----------------------|
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 444.961.979 | 20.616.878.541 |
| Kinh phí công đoàn | 7.647.840 | 177.260.022 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 261.908.570 | 20.113.911.166 |
| Phải trả Bảo hiểm xã hội do bảo hiểm chi thừa | 132.594.200 | - |
| Phải trả Ngân sách Nhà nước số tiền thu được từ khoản nợ khó đòi đã xử lý của CRAIG MOSTYN & CO., PJY | - | 249.857.924 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 42.811.369 | 75.849.429 |
| Cộng | 444.961.979 | 20.616.878.541 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay ngắn hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 1.215.000.000 | 440.000.000 |
| Vay Bà Công Tăng Tôn Nữ Tuyết Thu ⁽ⁱ⁾ | 1.215.000.000 | - |
| Vay Ông Nguyễn Đào | - | 440.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 39.162.796.997 | 29.534.221.471 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 36.872.035.486 | 27.845.329.960 |
| Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾ | 31.081.570.268 | 21.034.305.460 |
| Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 5.091.127.800 | 2.236.193.400 |
| Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Khánh Hòa | - | 4.574.831.100 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv) | 699.337.418 | - |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 2.290.761.511 | 1.688.891.511 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác | 2.290.761.511 | 1.688.891.511 |
| Cộng | 40.377.796.997 | 29.974.221.471 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Công Tăng Tôn Nữ Tuyết Thu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0,6%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh chế biến thủy sản phục vụ xuất khẩu, hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay ghi trên Giấy nhận nợ, lãi suất cho vay cố định theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản là:
- Đất tại số 142/14 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
 - Nhà và đất tại số 17/1 Lương Thế Vinh, phường Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
 - Nhà và đất tại số 139 Lê Hồng Phong, phường Phước Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
 - Nhà và đất tại số 191 đường 2 tháng 4, phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
 - Nhà và đất tại số 24 Hồng Bàng, phường Phước Tiến, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
 - 10 máy nén hiệu Mycom;
 - 01 xe ô tô con Toyota Camry BS 79N-0155.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để thanh toán tiền mua nguyên liệu thủy sản các loại (cá, tôm, mực...), tiền lương và các chi phí khác phục vụ hoạt động kinh doanh chế biến và xuất khẩu hàng thủy sản, hạn mức tín dụng 5 tỷ VND, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay ghi trên khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản là:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nhà và đất tại số 39/57 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, Khánh Hòa của Ông Bùi Văn Phiêu và Bà Nguyễn Thị Thu Thanh;
 - Nguồn thu từ xuất khẩu đối với những đơn hàng thanh toán theo phương thức L/C, DP, DA, TTR, CAD.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh chế biến thủy sản phục vụ xuất khẩu, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày rút vốn vay ghi trên khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản là:
- Quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 71/12/1 đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa của Ông Lê Xuân Hạnh và Nguyễn Thị Hương;
 - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 34/14/3 đường Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa của Bà Công Tăng Tôn Nữ Tuyết Hoa;
 - Sổ tiết kiệm có kỳ hạn AAB 1760473 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa của Bà Công Tăng Tôn Nữ Tuyết Thu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Tăng do chênh lệch tỷ giá | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|------------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 27.845.329.960 | 144.746.283.376 | 609.575.808 | (136.329.153.658) | 36.872.035.486 |
| Vay ngắn hạn cá nhân | 2.128.891.511 | 6.518.512.000 | - | (5.141.642.000) | 3.505.761.511 |
| Cộng | 29.974.221.471 | 151.264.795.376 | 609.575.808 | (141.470.795.658) | 40.377.796.997 |

15b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.949.677.314 | 2.416.080.366 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | - | 4.175.554.948 |
| Tăng khác | - | 1.157.000 |
| Chi quỹ | (2.946.676.000) | (3.643.115.000) |
| Số cuối năm | 3.001.314 | 2.949.677.314 |

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa | 1.322.000.000 | 1.322.000.000 |
| Các cổ đông khác | 13.438.000.000 | 13.438.000.000 |
| Cộng | 14.760.000.000 | 14.760.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn điều lệ đã góp (VND) | Vốn điều lệ còn phải góp (VND) |
|--------------------------------|--|---------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | | |
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa | 1.322.000.000 | 8,96 | 1.322.000.000 | - |
| Các cổ đông khác | 13.438.000.000 | 91,04 | 13.438.000.000 | - |
| Cộng | 14.760.000.000 | 100,00 | 14.760.000.000 | - |

17c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.476.000 | 1.476.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 1.476.000 | 1.476.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 38.200 | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 1.437.800 | 1.476.000 |

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

18a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|-----------------------|------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 433.623.450 | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 1.734.493.798 | - |
| Trên 5 năm | 11.491.021.414 | - |
| Cộng | 13.659.138.662 | - |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên căn cứ vào Hợp đồng thuê lại đất và thuê cơ sở hạ tầng kỹ thuật số 03/2016/HĐTLĐ-KCNSD được ký với thời hạn 32 năm tính từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến hết ngày 21 tháng 08 năm 2048. Đơn giá thuê sẽ được điều chỉnh theo chu kỳ 05 năm/lần, bao gồm:

- Tổng số tiền thuê đất 19.616 m² tại Khu công nghiệp Suối Dầu với giá thuê là 1.599 VND/m²/năm (giá chưa bao gồm thuế VAT 10%).
- Tổng số tiền phí sử dụng hạ tầng với diện tích 19.616 m² tại Khu công nghiệp Suối Dầu với giá thuê là 102.533 VND/m²/05năm (giá chưa bao gồm thuế VAT 10%).

18b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 6,795.90 USD (số đầu năm là 86,256.77 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu xuất khẩu | 134.062.341.313 | 107.738.154.954 |
| Doanh thu bán nội địa | 11.973.292.368 | 9.260.208.217 |
| Doanh thu gia công | 21.207.548.556 | 23.029.403.495 |
| Doanh thu khác | 667.860.710 | 265.107.572 |
| Cộng | <u>167.911.042.947</u> | <u>140.292.874.238</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu năm trước là hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 5.491.738.502 | 5.744.787.930 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 119.319.706.217 | 92.009.181.220 |
| Giá vốn của dịch vụ gia công | 21.428.083.343 | 19.364.087.206 |
| Giá vốn khác | 1.197.123.183 | 5.796.851 |
| Cộng | <u>147.436.651.245</u> | <u>117.123.853.207</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 942.213.724 | 180.064.057 |
| Lãi tiền cho vay | 6.498.000 | 18.778.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 462.741.151 | 391.959.407 |
| Doanh thu tài chính khác | 47.714.427 | - |
| Cộng | <u>1.459.167.302</u> | <u>590.801.464</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.937.982.628 | 1.141.160.518 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 303.059.930 | 1.579.993.041 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 609.575.808 | 81.001.299 |
| Cộng | <u>2.850.618.366</u> | <u>2.802.154.858</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 2.160.205.544 | 2.269.647.616 |
| Chi phí vật liệu, dụng cụ | 166.650.725 | 180.944.788 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.054.278.361 | 807.278.172 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.907.980.013 | 4.684.189.903 |
| Các chi phí khác | 107.887.840 | 243.462.835 |
| Cộng | <u>9.397.002.483</u> | <u>8.185.523.314</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.942.781.798 | 4.039.828.055 |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng | 272.115.998 | 539.897.277 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 277.257.070 | 147.943.440 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 509.540.208 | 551.378.513 |
| Các chi phí khác | 1.131.033.181 | 1.329.656.801 |
| Cộng | <u>6.132.728.255</u> | <u>6.608.704.086</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư | - | 9.090.909 |
| Thu nhập từ thanh lý vật tư | 35.809.090 | - |
| Thu nhập khác | 1.146.878 | 14.494.736 |
| Cộng | <u>36.955.968</u> | <u>23.585.645</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí hỗ trợ đi lại ngày lễ cho cán bộ công nhân viên | 574.500.000 | - |
| Tiền phạt, tiền bị truy thu | 11.172.591 | 42.507.498 |
| Chi phí khác | 39.783.844 | 76.646.525 |
| Cộng | <u>625.456.435</u> | <u>119.154.023</u> |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.213.021.536 | 3.365.128.583 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (3.365.128.583) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | 2.213.021.536 | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 1.454.913 | - |
| Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.521</u> | <u>-</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước không được tính do kết quả hoạt động kinh doanh năm trước là của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa thuộc sở hữu Nhà nước.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 130.469.262.773 | 91.718.916.567 |
| Chi phí nhân công | 32.190.795.035 | 29.578.856.793 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.137.963.852 | 2.348.723.091 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.377.035.754 | 9.651.505.224 |
| Chi phí khác | 2.525.208.709 | 4.291.006.979 |
| Cộng | <u>179.700.266.123</u> | <u>137.589.008.654</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| <i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i> | | |
| Công ty vay tiền | 3.255.000.000 | 930.000.000 |
| Công ty thanh toán tiền gốc vay | 3.695.000.000 | 2.305.000.000 |
| Chi phí lãi vay | 87.745.000 | 14.207.000 |
| <i>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i> | | |
| Công ty vay tiền | 1.340.000.000 | - |
| Công ty thanh toán tiền gốc vay | 125.000.000 | 110.000.000 |
| Chi phí lãi vay | 32.749.000 | 3.567.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| Thành viên chủ chốt | Nội dung giao dịch |
|------------------------------------|---|
| Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm năm nay là 92.300.000 VND (năm trước không phát sinh) |
| Ban điều hành, quản lý | Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 715.141.337 VND (năm trước là 454.118.134 VND) |

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến thủy sản, xuất khẩu hàng hải sản, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng doanh thu không đáng kể. Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

3a. Các sai sót

Năm trước, Công ty đã điều chỉnh số liệu theo Biên bản thanh tra thuế ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

| | Mã số | Số liệu trước điều chỉnh | Các điều chỉnh | Số liệu sau điều chỉnh |
|---|--------------|---------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | | |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 197.956.313 | 68.129.528 | 266.085.841 |
| Thuế và các khoản phải nộp | | | | |
| Nhà nước | 313 | 620.964.579 | 57.632.356 | 678.596.935 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 2.939.180.142 | 10.497.172 | 2.949.677.314 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | | | |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 117.191.982.735 | (68.129.528) | 117.123.853.207 |
| Chi phí khác | 32 | 77.734.517 | 41.419.506 | 119.154.023 |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả người bán | 863.625.169 | 1.405.879.742 |
| Vay và nợ | 40.377.796.997 | 29.974.221.471 |
| Các khoản phải trả khác | 365.605.842 | 20.673.583.094 |
| Cộng | <u>41.607.028.008</u> | <u>52.053.684.307</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa, nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa, nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

4d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 30 tháng 11 năm 2015.

5. *Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.634.827.116 | - | 19.873.278.417 | - |
| Phải thu khách hàng | 2.337.092.124 | - | 6.387.141.465 | - |
| Các khoản phải thu khác | 6.870.904 | - | 41.040.632 | - |
| Cộng | 3.978.790.144 | - | 26.301.460.514 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả người bán | 863.625.169 | 1.405.879.742 |
| Vay và nợ | 40.377.796.997 | 29.974.221.471 |
| Các khoản phải trả khác | 365.605.842 | 20.673.583.094 |
| Cộng | <u>41.607.028.008</u> | <u>52.053.684.307</u> |

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Phương Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy
Phụ trách Kế toán



Nha Trang, ngày 10 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Trọng Thắng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Giám đốc

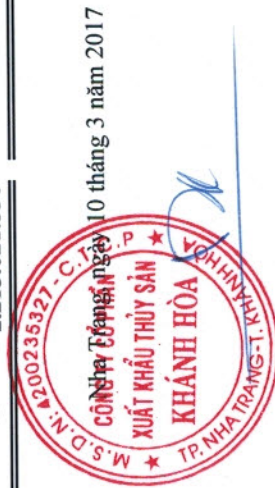
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT KHẨU THỦY SẢN KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 50 Võ Thị Sáu, phường Vĩnh Trường, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | Cộng |
|---|------------------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2015 | 9.131.000.000 | - | - | 1.252.908.455 | 3.067.720 | 10.386.976.175 |
| Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung trong kỳ này | 3.932.832 | - | - | - | - | 3.932.832 |
| Kết chuyển nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản sang vốn | 3.067.720 | - | - | - | (3.067.720) | - |
| giá trị Doanh nghiệp Cổ phần hóa | - | - | 6.891.705.409 | - | - | 6.891.705.409 |
| Tăng vốn từ chênh lệch đánh giá lại tài sản khi xác định giá trị Doanh nghiệp Cổ phần hóa | 6.891.705.409 | - | (6.891.705.409) | - | - | - |
| Giảm vốn (tài sản không cần dùng) | (1.269.705.961) | - | - | - | - | (1.269.705.961) |
| Nộp lợi nhuận được chia theo vốn Nhà nước | - | - | - | (442.482.091) | - | (442.482.091) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 3.365.128.584 | - | 3.365.128.584 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (4.175.554.948) | - | (4.175.554.948) |
| Số dư tại 30/11/2015 | 14.760.000.000 | - | - | - | - | 14.760.000.000 |
| Số dư tại 01/12/2015 | 14.760.000.000 | - | - | - | - | 14.760.000.000 |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành | - | (580.640.000) | - | - | - | (580.640.000) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 2.213.021.536 | - | 2.213.021.536 |
| Số dư tại 31/12/2016 | 14.760.000.000 | (580.640.000) | - | 2.213.021.536 | - | 16.392.381.536 |



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Phương Thủy
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Phương Thủy
 Phụ trách kế toán

Nguyễn Trọng Thăng
 Chủ tịch Hội đồng quản trị